TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2019/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 18 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1994

Bị đơn: Chị Ngô Thị U, sinh năm 1994

Cùng trú tại: Xóm 1, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Hải N và chị Ngô Thị U.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N, chị U cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Anh Nam, chị Uyên cùng xác định có 01 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 23/6/2016.

Khi ly hôn anh N, chị U đã thống nhất thỏa thuận giao cho chị U được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về quyền thăm nom con chung: Anh N được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận anh N cấp dưỡng nuôi con cho chị U là 1.000.000đ (một triệu đồng)/ tháng từ tháng 5/2019 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản: Anh N, chị U xác định hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh N tự nguyện chịu 150.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000^{đ} án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm sung công quỹ nhà nước, được trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012692 ngày 20/3/2019 tại Chi cục THADS huyện Đại Từ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã A, huyện Đại Từ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÀO NGỌC HÀI